

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/10/2019  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thẩm phán.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Viêt Sáu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Hà Đức V - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Hà Đức V tự nguyện tìm hiểu, quen biết yêu thương nhau, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20/2011; Quyền số 01 ngày 16/02/2011 của UBND phường Đ, thành phố Phan Thiết; Sau khi kết hôn, ông V và bà P sống tại nhà cha mẹ ruột của bà P tại khu phố 4, phường Đ, thành phố P. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ

chồng hạnh phúc, nhưng càng về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do ông Hà Đức V ham chơi, cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Vì thương con, bà đã nhiều lần khuyên chồng từ bỏ nhưng ông V chứng nào tật nấy, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, kể từ năm 2017 ông V về nhà mẹ ruột của ông V tại khu phố 3, phường L sống tới nay. Nay bà P xác định: vợ chồng bà ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của ông, bà ngày đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Hà Đức V.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Hà Gia B (nam), sinh ngày 15/3/2012; Sau khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án giao con chung cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Về án phí:* bà P khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

*\*Ý kiến Bị đơn ông Hà Đức V về các nội dung tranh chấp trong vụ án:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn ông Hà Đức V theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên ông V không đến Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019, bà Huỳnh Thị P là mẹ ruột ông Hà Đức V có chung hộ khẩu và sống cùng nhà với ông Hà Đức V khai ông Hà Đức V trình bày với bà P nếu bà P muốn ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết ly hôn, ông V không hàn gắn và cũng không đến Tòa án.

*\*Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi bà Nguyễn Thị P cư trú:* do vợ chồng ông V, bà P sống khép kín nên địa phương không nắm được cuộc sống gia đình của họ như thế nào, có mâu thuẫn không. Từ trước tới nay khu phố, chính quyền địa phương chưa lần nào giải quyết chuyện mâu thuẫn gia đình họ, vì bà P, ông V không báo gì về chuyện mâu thuẫn vợ chồng phải xử lý. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay chỉ thấy bà P có sống với cha mẹ ở khu phố 4, phường Đ, còn ông V không ở tại khu phố 4, phường Đ, P, Bình Thuận.

*\*Theo kết quả xác minh tại Công an phường L nơi ông Hà Đức V cư trú:* Ông Hà Đức V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, phường L, thành phố P. Tuy nhiên ông V thỉnh thoảng mới về nhà mẹ ruột là bà Huỳnh Thị P, ông V đi đi về về chứ không thường xuyên ở nhà.

*\*Tại bản tự khai của cháu Hà Gia B (nam), sinh ngày 15/3/2012 thì cháu B có nguyện vọng muốn ở với mẹ là bà Nguyễn Thị P sau khi cha mẹ ly hôn.*

Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

*\*Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người*

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:

*[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

-Về quan hệ hôn nhân: căn cứ lời khai của nguyên đơn và xác minh tại địa phương: nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà P, ông V từ năm 2017 đến nay, bà P, ông V không còn chung sống với nhau, bà P kiên quyết ly hôn ông V;

Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 15/3/2012. Theo nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi dưỡng của các bên đương sự, đề nghị giao cháu Hà Gia B cho bà P nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1]Theo đơn khởi kiện và sổ hộ khẩu do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn ông Hà Đức V đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khu phố 3, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do vậy việc bà Phụ kiện ly hôn ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Hà Đức V thông qua mẹ ruột của ông V là bà Huỳnh Thị P có cùng hộ khẩu và nơi cư trú của ông Hà Đức V nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hà Đức V vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

\*Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:

[1]*Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Hà Đức V là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20/2011; Quyền số 01 ngày 16/02/2011 của UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P xin ly hôn ông Hà Đức V vì xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do bất đồng quan điểm và tính tình, do ông Hà Đức V ham cờ bạc, rượu chè, không quan tâm chăm lo gia đình, bà đã sống ly thân với ông Hà Đức V từ năm 2017 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án có hòa giải đoàn tụ bà cũng kiên quyết xin ly hôn vì bà không thể tiếp tục chung sống với ông V do không còn tình cảm.

Xét thấy bà Phụ không còn chung sống với ông V, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy ông V đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình.

Ông Hà Đức V không hợp tác với Tòa án để thể hiện nguyện vọng ý kiến của ông trong vấn đề giải quyết quan hệ Hôn nhân theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong thời gian sống ly thân ông cũng không có động thái nào tác động hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nay mặc dù biết rõ bà P làm đơn xin ly hôn, ông cũng không hợp tác với Tòa án để thể hiện nguyện vọng mong muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ bản thân ông đã bỏ mặc, không muốn níu kéo gìn giữ cuộc hôn nhân này, như vậy mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[2]*Về con chung*: Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Đức V có 01 con chung tên Hà Gia B sinh ngày 15/3/2012; Sau khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án giao cháu B cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của bà P phù hợp với nguyện vọng, đảm bảo lợi ích của con chung, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: do bà P không yêu cầu ông V phải trợ cấp nuôi con chung đồng thời ông Hà Đức V cũng chưa thể hiện nguyện vọng trong việc trợ cấp nuôi con chung, do vậy việc trợ cấp nuôi con chung của ông, bà sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng, khi có yêu cầu và làm đơn khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về nợ chung*: bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà P nộp tại biên lai số 0027863 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1, khoản 2 Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Hà Đức V;

*Về con chung*: Ông Hà Đức V và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 15/03/2012. Tuyên buộc ông Hà Đức V giao con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 15/03/2012 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà P chưa yêu cầu nên Tòa chưa xem xét giải quyết.

Ông Hà Đức V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

*Về tài sản chung*: bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về nợ chung*: bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí do bà P nộp tại biên lai số 0027863 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được

chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà P đã nộp xong án phí sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2019); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

**Nơi nhận :**

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thủy Tiên**